

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LONG XUYÊN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 73/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 02/5/2024

“V/v tranh chấp hôn nhân và gia
đình ly hôn, tranh chấp về
nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYÊN, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Lại Hiệp Phong.

- **Các Hội thẩm nhân dân:** Bà Phan Thị Yến và ông Đặng Hữu Tấn.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Kiệt - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 02 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 115/2024/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2024 về việc “tranh chấp hôn nhân và gia đình ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 181/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 202/2024/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Bích L, sinh năm 1994; địa chỉ: số E, tổ B, khóm T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang; vắng mặt.

2. **Bị đơn:** Ông Nguyễn Thành N, sinh năm 1989; địa chỉ: số C, khóm B, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích L trình bày: Qua tìm hiểu, bà L và ông N kết hôn vào năm 2015, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân phường B, thành phố L, tỉnh An Giang ngày 12/01/2015. Trong thời gian chung sống, vợ chồng có sinh 02 con chung tên Nguyễn Minh H, sinh ngày 18/10/2015 và Nguyễn Ngọc Kim A, sinh ngày 19/4/2020. Các con chung đang được bà L nuôi dưỡng. Tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì vợ chồng thường xuyên cãi vã do bất đồng quan điểm sống và không còn chung sống khoảng 02 năm cho đến nay.

Do tình cảm vợ chồng không còn nên bà L yêu cầu được ly hôn với ông N; yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung tên Nguyễn Minh H và Nguyễn Ngọc Kim A, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi dạy 02 con chung; không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp chứng minh cho ý kiến, yêu cầu khởi kiện: Giấy chứng nhận kết hôn số 08/2015, quyển số 01/2015, ngày 12/01/2015 do Ủy ban nhân dân phường B, thành phố L, tỉnh An Giang cấp đối với bà **Nguyễn Thị Bích L** và ông Nguyễn Thành N (bản chính); Giấy khai sinh số 560, ngày 21/8/2020 do Ủy ban nhân dân phường M, thành phố L, tỉnh An Giang cấp đối với Nguyễn Minh H (bản sao); Trích lục khai sinh số 499/TLKS-BS, ngày 10/7/2020 do Ủy ban nhân dân phường B, thành phố L, tỉnh An Giang cấp đối với Nguyễn Ngọc Kim A (bản sao).

- Bị đơn ông Nguyễn Thành N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng ông N vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến và hòa giải được giữa các đương sự.

Tại phiên tòa, các đương sự vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà **Nguyễn Thị Bích L** khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông **Nguyễn Thành N**. Đồng thời, ông N cư trú trên địa bàn thành phố L. Xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, bà L, ông N đều vắng mặt. Trong đó, bà L có yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt; ông N đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Cho nên, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà L, ông N theo quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Bà L và ông N tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông N là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Bà L xác định, sau một thời gian chung sống hạnh phúc thì vợ chồng thường xuyên cãi vã do bất đồng quan điểm sống và không còn sống chung khoảng 02 năm cho đến nay.

Xét thấy, xuất phát từ mâu thuẫn trong thời gian chung sống, bà L và ông N thường xuyên cãi vã và không còn sống chung khoảng 02 năm cho đến nay.

Vợ chồng không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Bên cạnh đó, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án cho ông N nhưng ông N không có ý kiến phản đối yêu cầu ly hôn của bà L. Cho nên, có căn cứ xác định mâu thuẫn giữa bà L, ông N là trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà L đối với ông N theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Bà L xác định trong thời gian chung sống, vợ chồng có sinh 02 con chung tên Nguyễn Minh H, sinh ngày 18/10/2015 và Nguyễn Ngọc Kim A, sinh ngày 19/4/2020. Bà L yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung.

Xét thấy, các cháu H, Kim A đang được bà L chăm sóc, nuôi dưỡng, phát triển ổn định. Đồng thời, trong quá trình giải quyết vụ án, ông N không có ý kiến phản đối yêu cầu này của bà L. Hơn nữa, cháu H có nguyện vọng được sống chung với bà L trong trường hợp bà L và ông N ly hôn. Do đó, để đảm bảo ổn định cuộc sống cho con chung, giúp con chung phát triển tốt về thể chất, tinh thần, Hội đồng xét xử giao các cháu H, Kim A cho bà L tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng theo Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, do bà L không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi dưỡng các cháu H, Kim A nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà L xác định không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên không đề cập giải quyết.

[2.4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà L phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Ông N không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; các Điều 144, 147, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà **Nguyễn Thị Bích L.**

1. Về hôn nhân: Bà **Nguyễn Thị Bích L** được ly hôn với ông **Nguyễn Thành N.**

2. Về con chung:

Bà **Nguyễn Thị Bích L** được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung tên Nguyễn Minh H, sinh ngày 18/10/2015 và Nguyễn Ngọc Kim A, sinh ngày 19/4/2020. Ông **Nguyễn Thành N** không phải cấp dưỡng nuôi dạy con chung.

Bà **Nguyễn Thị Bích L** cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông **Nguyễn Thành N** trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3. Về án phí sơ thẩm:

Bà **Nguyễn Thị Bích L** phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số BLTU/23/0001600 do Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang cấp ngày 26 tháng 02 năm 2024; bà **Nguyễn Thị Bích L** đã nộp đủ án phí. Ông **Nguyễn Thành N** không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bà **Nguyễn Thị Bích L**, ông **Nguyễn Thành N** có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Long Xuyên (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS thành phố Long Xuyên (1);
- UBND phường **Bình Khánh**, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lại Hiệp Phong